

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 548/2020/HS-ST
Ngày: 28-9-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Bà Lê Thị Ngọc Ngân.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 518/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 553/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng T (tên gọi khác: Bé), sinh ngày 29/6/1993 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ 2, khu phố 1, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 05/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1977; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 24/5/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa từ ngày 09/6/2020 (Có mặt).

2. Nguyễn Đức Minh N, sinh ngày 03/4/1995 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 108 khu phố 3, phường D, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1965; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1993 và có 01 con sinh tháng 01/2020; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa từ ngày 09/6/2020 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 08/6/2020, Nguyễn Trọng T đến khu vực gần trường Hùng Vương thuộc phường Q, thành phố Biên Hòa, mua của người thanh niên (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 2.800.000 đồng. Sau đó, T đem về nhà trọ thuộc tổ 1, khu phố 4, phường Q, thành phố Biên Hòa chia thành 14 gói ma túy lớn nhỏ khác nhau để sử dụng và bán lại cho người nghiện.

Khoảng 12 giờ 10 phút ngày 09/6/2020, Nguyễn Đức Minh N đến phòng trọ của T chơi thì được T nhờ bán ma túy giùm và sẽ cho sử dụng ma túy chung. T cất 01 gói ma túy trong túi quần áo trên gác xép, đưa 13 gói ma túy còn lại đựng trong hộp giấy cho N và nhờ bán với giá 200.000 đồng/gói thì N đồng ý. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, N đã bán 01 gói ma túy cho một người (không rõ lai lịch) với giá 200.000 đồng.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa kiểm tra nhà trọ của T, phát hiện Nguyễn Đức Minh N đang cất 01 gói ma túy trong túi quần trước bên phải và 11 gói ma túy trong hộp giấy để trên bàn.

Đến 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Trọng T về phòng trọ và khai nhận việc cất giấu 01 gói ma túy trong túi quần áo trên gác xép của nhà trọ.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 12 gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (Kí hiệu M1).
- 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (Kí hiệu M2).
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số thuê bao 0931248286, số Imel: 356902083751328 của Nguyễn Đức Minh N.
- Số tiền 200.000 đồng là tiền Nguyễn Đức Minh N bán ma túy.

Tại Kết luận giám định số 1171/KLGD-PC09 ngày 16/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1,7507gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1,3525gam, loại Methamphetamine.

Hoàn lại mẫu vật sau khi giám định có khối lượng: M1 = 1,6968gam; M2 = 1,3028gam (được niêm phong số 1171/KLGD-PC09).

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N thừa nhận hành vi bán 01 gói ma túy cho một người (không rõ lai lịch) với giá

200.000 đồng và đang cất giữ 12 gói ma túy có khối lượng 1,7507 gam, 01 gói ma túy có khối lượng 1,3525 gam loại Methamphetamine với mục đích để bán cho người nghiện đúng như bản Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã mô tả. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng cũng như Kết luận giám định số 1171/KLGD-PC09 ngày 16/6/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

Bản cáo trạng số 520/CT-VKS-BH ngày 10/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N đều thừa nhận hành vi bán 01 gói ma túy cho một người (không rõ lai lịch) với giá 200.000 đồng và cất giữ 12 gói ma túy có khối lượng 1,7507gam, 01 gói ma túy có khối lượng 1,3525gam loại Methamphetamine với mục đích để bán cho người khác thì bị bắt quả tang.

Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trọng T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Đức Minh N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy trong gói niêm phong số 1171/KLGD-PC09 có khối lượng M1=1,6968gam; M2=1,3028gam.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 200.000 đồng tiền do phạm tội mà có.

Trả lại cho Nguyễn Đức Minh N 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số thuê bao 0931248286, số Imel: 356902083751328 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Trọng T nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thấy rất hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Đức Minh N nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thấy rất hối hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ và 19 giờ ngày 09/6/2020, tại nhà trọ không số, tổ 1, khu phố 4, phường Q, thành phố Biên Hòa, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa phát hiện Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N đang cất giữ 12 gói ma túy có khối lượng 1,7507 gam, 01 gói ma túy có khối lượng 1,3525 gam loại Methamphetamine với mục đích để bán cho người khác. Đồng thời, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N cũng thừa nhận hành vi bán 01 gói ma túy cho một người (không rõ lai lịch) với giá 200.000 đồng.

[3] Tại Kết luận giám định số 1171/KLGD-PC09 ngày 16/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1,7507gam, loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng (Kí hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1,3525gam, loại Methamphetamine.

[4] Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà nước, bản thân các bị cáo đều hiểu rất rõ tác hại của chất ma túy, là nguyên nhân và mầm mống lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS, đồng thời cũng là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác. Tuy nhiên, do muốn có tiền thỏa mãn nhu cầu của cá nhân mà bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N vẫn bất chấp quy định cấm của pháp luật, cố ý phạm tội nên cần có mức hình phạt thật nghiêm để răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Xét vai trò các bị cáo trong vụ án này: Các bị cáo Nguyễn Trọng T là

người mua ma túy về sử dụng và phân nhỏ ra bán cho người khác nên giữ vai trò đầu vụ; Nguyễn Đức Minh N được T nhờ bán giúp ma túy sẽ cho sử dụng ma túy chung nên chịu mức án sau bị cáo T.

[7] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Trọng T có nhân thân bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” ngày 24/5/2010.

Bị cáo Nguyễn Đức Minh N chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Gói ma túy là mẫu vật hoàn lại sau giám định, đã được niêm phong số 1171/KLGD-PC09 có khối lượng M1 = 1,6968gam; M2 = 1,3028gam là vật Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 200.000 đồng là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số thuê bao 0931248286, số Imel: 356902083751328 của Nguyễn Đức Minh N không liên quan đến hành vi phạm tội cần đã trả lại cho bị cáo.

[10] Đối với đối tượng chưa rõ lai lịch có hành vi bán ma túy cho Nguyễn Trọng T, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”,

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Trọng T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

Bị cáo **Nguyễn Đức Minh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Gói ma túy là mẫu vật hoàn lại sau giám định được niêm phong số 1171/KLGD-PC09 ngày 16/6/2020 có khối lượng M1 = 1,6968gam; M2 = 1,3028gam là vật Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền do phạm tội mà có.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Đức Minh N 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số thuê bao 0931248286, số Imel: 356902083751328.

(Số tiền sung vào Ngân sách Nhà nước 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 000140 ngày 17/9/2020 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Đức Minh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Anh Đức